



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 42
8. Phụ lục	43 - 47

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Camimex (tiền thân là Công ty TNHH Camimex) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần 16 ngày 07 tháng 5 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
- Điện thoại : (0290) 3 831 608
- Fax : (0290) 3 580 827

Công ty có Chi nhánh Công ty Cổ phần Camimex tại thành phố Hồ Chí Minh đặt tại địa chỉ: 33/3 đường Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; xuất nhập khẩu thủy sản các loại; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024
Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024
Ông Bùi Đức Dũng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Lữ Hồng Lam	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021
Bà Trương Hà My	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2025
Bà Trần Thị My	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2020
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019
Ông Huỳnh Công Nhân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Ngọc Sơn - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2025

Số: 4.0243/25/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2025, từ trang 05 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Quốc Ngự

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3089-2025-008-1

Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 26 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.835.266.074.986	2.373.877.928.904
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.605.545.641	133.412.919.111
1. Tiền	111	V.1	9.605.545.641	133.412.919.111
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		268.730.000.000	99.090.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	268.730.000.000	99.090.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		684.740.232.403	687.065.235.672
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	452.873.420.350	501.707.656.317
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	184.423.180.541	146.304.210.144
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	47.578.711.512	39.188.449.211
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(135.080.000)	(135.080.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	1.831.266.309.605	1.415.962.326.324
1. Hàng tồn kho	141		1.914.982.656.275	1.496.997.831.490
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(83.716.346.670)	(81.035.505.166)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		40.923.987.337	38.347.447.797
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.732.157.554	1.470.803.591
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		34.407.490.352	34.092.304.775
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	2.784.339.431	2.784.339.431
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN		200		919.192.672.998	917.192.704.562
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		1.030.000.000	1.030.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216	V.5b	1.030.000.000	1.030.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		620.588.638.670	458.637.693.477
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.9	451.396.271.800	301.442.030.874
- Nguyên giá		222		806.740.822.331	628.335.061.226
- Giá trị hao mòn lũy kế		223		(355.344.550.531)	(326.893.030.352)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224	V.10	131.830.708.916	118.451.074.089
- Nguyên giá		225		184.837.902.673	139.712.955.716
- Giá trị hao mòn lũy kế		226		(53.007.193.757)	(21.261.881.627)
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.11	37.361.657.954	38.744.588.514
- Nguyên giá		228		64.888.648.718	64.688.899.986
- Giá trị hao mòn lũy kế		229		(27.526.990.764)	(25.944.311.472)
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
- Nguyên giá		231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế		232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		152.050.290.648	343.454.325.999
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	V.12	152.050.290.648	343.454.325.999
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250		90.000.000.000	98.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con		251	V.2b	40.000.000.000	40.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253	V.2b	50.000.000.000	50.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255	V.2a	-	8.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác		260		55.523.743.680	16.070.685.086
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.8b	55.523.743.680	16.070.685.086
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		262	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		3.754.458.747.984	3.291.070.633.466

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.618.104.821.219	2.207.624.269.641
I. Nợ ngắn hạn	310		1.898.033.139.178	1.603.276.880.116
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	233.574.669.066	170.837.220.320
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	13.951.479.611	3.095.567.559
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	10.365.204.566	16.184.340.478
4. Phải trả người lao động	314	V.17	20.520.321.775	22.574.555.577
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	63.838.949.289	42.158.628.935
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	22.142.303.940	31.295.007.227
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	1.532.760.210.931	1.316.251.560.020
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	880.000.000	880.000.000
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		720.071.682.041	604.347.389.525
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	720.071.682.041	604.347.389.525
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.136.353.926.765	1.083.446.363.825
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.136.353.926.765	1.083.446.363.825
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22a	978.999.980.000	978.999.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		978.999.980.000	978.999.980.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22a	(228.222.222)	(228.222.222)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22a	157.582.168.987	104.674.606.047
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		104.674.606.047	104.674.606.047
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		52.907.562.940	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.754.458.747.984	3.291.070.633.466

Cà Mau, ngày 26 tháng 8 năm 2025


 Trần Quốc Phong
 Người lập


 Nguyễn Thị Lam
 Kế toán trưởng


 Đặng Ngọc Sơn
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.329.211.222.719	1.096.034.970.609
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.233.618.688	287.511.725
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.325.977.604.031	1.095.747.458.884
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.064.298.633.128	926.180.215.006
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		261.678.970.903	169.567.243.878
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	20.314.713.884	4.766.588.176
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	109.357.883.312	70.586.906.038
Trong đó: chi phí lãi vay	23		67.485.327.593	46.817.990.229
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	79.833.611.546	39.532.274.367
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	33.589.473.263	24.890.849.286
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		59.212.716.666	39.323.802.363
11. Thu nhập khác	31	VI.8	4.388.664.776	1.653.937.140
12. Chi phí khác	32	VI.9	702.191.491	3.324.998.340
13. Lợi nhuận khác	40		3.686.473.285	(1.671.061.200)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62.899.189.951	37.652.741.163
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	9.991.627.011	6.157.317.075
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		52.907.562.940	31.495.424.088
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10		

Cà Mau, ngày 26 tháng 8 năm 2025


Trần Quốc Phong
Người lập

Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởngĐặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		62.899.189.951	37.652.741.163
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11	62.098.011.602	35.242.395.405
- Các khoản dự phòng	03	V.7	2.680.841.504	(9.716.046.063)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	31.464.591.222	8.523.721.418
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8, VI.9	(7.665.586.887)	(34.896.812)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	67.485.327.593	46.817.990.229
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		218.962.374.985	118.485.905.340
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(30.992.271.040)	(155.144.585.976)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(417.984.824.785)	118.969.369.669
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		50.614.638.422	41.883.778.759
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(41.714.412.557)	2.532.585.355
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18, VI.5	(45.805.007.239)	(29.593.994.151)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	-	(2.538.074.199)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	8.225.293.566
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(266.919.502.214)	102.820.278.363
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, V.9, V.10, V.20b	(3.764.016.457)	(51.420.839.140)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		9.250.000.000	609.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(236.740.000.000)	(3.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		75.100.000.000	8.640.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.4	2.052.041.774	229.573.794
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(154.101.974.683)	(45.542.174.437)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

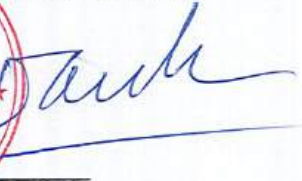
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	33.871.777.778
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a,b	2.654.438.099.948	1.788.897.837.483
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a,b	(2.344.394.549.856)	(1.849.198.503.053)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20a,b	(15.883.849.749)	(29.568.683.495)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		294.159.700.343	(55.997.571.287)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(126.861.776.554)	1.280.532.639
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	133.412.919.111	10.549.384.064
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.054.403.084	(4.018.337.042)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	9.605.545.641	7.811.579.661

Cà Mau, ngày 26 tháng 8 năm 2025


 Trần Quốc Phong
 Người lập


 Nguyễn Thị Lam
 Kế toán trưởng


 Đặng Ngọc Sơn
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp; kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; xuất nhập khẩu thủy sản các loại; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Camimex Organic có trụ sở chính tại ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, tỉnh Cà Mau, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, nuôi tôm và nuôi trồng thủy sản nội địa. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 79,21%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.503 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.363 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 44
Máy móc và thiết bị	03 – 54
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất nhận góp vốn được ghi nhận theo giá trị đánh giá của Hội đồng giao nhận tài sản góp vốn. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép sử dụng. Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của Nhãn hiệu, tên thương mại mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	53.540.425	50.567.974
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.552.005.216	133.362.351.137
Cộng	9.605.545.641	133.412.919.111

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	268.730.000.000	268.730.000.000	99.090.000.000	99.090.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 6 tháng - 13 tháng đến hạn thu hồi dưới 12 tháng	268.730.000.000	268.730.000.000	99.090.000.000	99.090.000.000
Dài hạn	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	268.730.000.000	268.730.000.000	107.090.000.000	107.090.000.000

Toàn bộ khoản tiền gửi cuối kỳ đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Camimex Organic ⁽ⁱ⁾	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Camimex Foods ⁽ⁱⁱ⁾	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000	-	-
Cộng	90.000.000.000	-	-	90.000.000.000	-	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 20001014506 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 4 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Camimex Organic 40.000.000.000 VND, tương đương 79,21% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ vào Công ty này.

(ii) Công ty đã mua 5.000.000 cổ phần tương đương 16,67% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Camimex Foods với giá mua là 50.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với công ty con

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Camimex Organic là công ty con trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	210.493.222.882	72.162.854.286
Phí dịch vụ của dự án Tôm sinh thái	1.086.134.544	13.935.512.000
Vay tiền	89.250.000.000	25.826.000.000
Trả tiền vay	(89.250.000.000)	(25.826.000.000)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	6.611.045.397	182.871.972.633
Công ty Cổ phần Camimex Group	4.367.982.258	-
Công ty Cổ phần Camimex Foods	-	182.651.162.265
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish	2.058.611.775	-
Công ty TNHH Thực phẩm Thủy sản Thái Minh Hưng	34.451.364	10.810.368
Ông Nguyễn Trọng Hà	150.000.000	210.000.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	446.262.374.953	318.835.683.684
Gourmet Systems Limited	61.492.644.424	-
Coop, Basel	86.227.543.100	25.868.943.230
Công ty TNHH MTV Thủy sản Xuân Nguyễn	124.928.667.390	-
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Thủy Nhân	-	100.366.008.512
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh	56.445.360.134	72.533.079.847
Các khách hàng khác	117.168.159.905	120.067.652.095
Cộng	452.873.420.350	501.707.656.317

Một số công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng tại mọi thời điểm với số tiền 321.856.990.200 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	30.347.256.604	28.723.869.605
Ông Bùi Đức Cường	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Camimex Farm	14.525.098.190	-
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish	13.322.158.414	7.208.909.824
Công ty TNHH TS Hưng Thuận	-	19.014.959.781
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	154.075.923.937	117.580.340.539
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Xây dựng Trường Giang	14.752.055.505	52.744.755.962

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Hồng Phát CM	-	20.809.378.568
Công ty TNHH MTV Thủy sản Xuân Nguyễn	93.731.795.248	-
Các nhà cung cấp khác	45.592.073.184	44.026.206.009
Cộng	184.423.180.541	146.304.210.144

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trong đó:</i>		
Trả trước cho người bán ngắn hạn về mua sắm tài sản cố định/xây dựng cơ bản	14.752.055.505	53.960.809.962

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>1.783.161.769</i>	<i>-</i>	<i>1.783.161.769</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Camimex Group - Phải thu tiền kinh phí công đoàn	1.783.161.769	-	1.783.161.769	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>45.795.549.743</i>	<i>-</i>	<i>37.405.287.442</i>	<i>-</i>
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.835.573.507	-	1.283.528.395	-
Tạm ứng	10.050.880.849	-	6.222.954.346	-
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	21.742.009.085	-	21.515.209.085	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	10.167.086.302	-	8.383.595.616	-
Cộng	47.578.711.512	-	39.188.449.211	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Công ty TNHH MTV BCA HCKT Thăng Long - Trả trước cho người bán	135.080.000	-	135.080.000	-
Cộng	135.080.000	-	135.080.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	135.080.000	94.556.000
Số cuối kỳ	135.080.000	94.556.000

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.598.296.185	-	11.002.033.708	-
Công cụ, dụng cụ	1.849.304.687	-	1.611.933.003	-
Thành phẩm	1.895.535.055.403	(83.716.346.670)	1.484.383.864.779	(81.035.505.166)
Cộng	1.914.982.656.275	(83.716.346.670)	1.496.997.831.490	(81.035.505.166)

Một số thành phẩm tồn kho cuối kỳ có giá trị ghi sổ là 812.499.013.628 VND (số đầu năm là 841.950.086.202 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	81.035.505.166	60.989.062.755
Trích lập dự phòng bổ sung	2.680.841.504	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(9.716.046.063)
Số cuối kỳ	83.716.346.670	51.273.016.692

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.197.466.625	961.179.006
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	777.646.224	483.624.583
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	757.044.705	26.000.002
Cộng	3.732.157.554	1.470.803.591

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.559.650.091	1.442.831.266
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	5.360.638.589	1.645.115.638
Phí bảo lãnh vay vốn	-	35.776.397
Chi phí thuê đất (*)	47.643.525.520	12.652.448.200
Các chi phí trả trước dài hạn khác	959.929.480	294.513.585
Cộng	55.523.743.680	16.070.685.086

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Trong đó, chi phí thuê đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 47.643.525.520 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

9. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 301.736.994.651 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc và thiết bị</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	139.712.955.716
Thuê tài chính trong kỳ	45.124.946.957
Số cuối kỳ	<u>184.837.902.673</u>
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	21.261.881.627
Khấu hao trong kỳ	31.745.312.130
Số cuối kỳ	<u>53.007.193.757</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	118.451.074.089
Số cuối kỳ	<u>131.830.708.916</u>

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhãn hiệu, tên thương mại</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.000.000.000	62.907.674.178	781.225.808	64.688.899.986
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	199.748.732	199.748.732
Số cuối kỳ	<u>1.000.000.000</u>	<u>62.907.674.178</u>	<u>980.974.540</u>	<u>64.888.648.718</u>
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	781.225.808	781.225.808
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	25.163.085.664	781.225.808	25.944.311.472
Khấu hao trong kỳ	-	1.572.691.854	9.987.438	1.582.679.292
Số cuối kỳ	-	<u>26.735.777.518</u>	<u>791.213.246</u>	<u>27.526.990.764</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	<u>1.000.000.000</u>	<u>37.744.588.514</u>	-	<u>38.744.588.514</u>
Số cuối kỳ	<u>1.000.000.000</u>	<u>36.171.896.660</u>	<u>189.761.294</u>	<u>37.361.657.954</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ là 3.348.336.270 VND (cùng kỳ năm trước là 5.600.537.177 VND).

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại***Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận***

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho chi phí lãi vay với số tiền tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 46.572.897.510 VND (số đầu năm là 35.521.602.927 VND).

Chi tiết chi phí lãi vay chưa ghi nhận như sau:

Năm 2023	6.196.701.245
Năm 2024	29.324.901.682
Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	11.051.294.583
Cộng	46.572.897.510

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	73.038.223.116	45.589.414.274
Công ty TNHH TS Hưng Thuận	20.515.796.053	-
Công ty Cổ phần Camimex Group	-	602.762.355
Công ty TNHH Camimex Organic	45.853.881.922	31.871.932.295
Công ty Cổ phần Camimex Farm	-	11.225.858.890
Công ty Cổ phần Camimex Foods	5.410.345.141	-
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	-	598.260.734
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	1.258.200.000	1.290.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>160.536.445.950</i>	<i>125.247.806.046</i>
Công ty TNHH MTV Thủy Hải Sản Chí Linh	32.990.119.782	9.625.776.869
Công ty TNHH MTV Thủy sản Kiều Phương	16.930.262.940	13.664.766.299
Các nhà cung cấp khác	110.616.063.228	101.957.262.878
Cộng	233.574.669.066	170.837.220.320

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả người bán ngắn hạn về mua sắm tài sản cố định/xây dựng cơ bản	5.261.027.451	1.121.677.980

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Keohane Seafoods Unlimited	5.508.503.510	-
Unimare Co., Ltd	2.869.340.696	-
LLC "Retail Service"	40.458.600	513.712.680
Canda Six Fortune Enterprise Co., Ltd	-	1.362.869.895
Shin Gang Corp	-	458.270.752
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Thùy Nhân	2.637.272.381	-
Các khách hàng khác	2.895.904.424	760.714.232
Cộng	13.951.479.611	3.095.567.559

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình biến động thuế và các khoản phải nộp nhà nước được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập khác với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.899.189.951	37.652.741.163
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Chi phí lãi vay không được trừ ⁽ⁱ⁾	11.051.294.583	10.251.663.245
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	20.774.240.485	10.852.369.170
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.709.023.697)	(917.866.815)
Thu nhập chịu/tính thuế	93.015.701.322	57.838.906.763
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	18.603.140.264	11.567.781.352
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(8.611.513.253)	(5.410.464.277)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	9.991.627.011	6.157.317.075

- (i) Chi phí lãi vay không được trừ này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất và nước trên mặt với mức 5.000 VND/m³ đối với nước dưới lòng đất và 40.000 VND/m³ đối với nước trên mặt.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)***Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác***

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Là tiền lương tháng 6 năm 2025 còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	55.752.940.643	39.514.767.123
Công ty Cổ phần Camimex Group - Chi phí lãi vay phải trả	49.055.954.342	34.007.917.808
Công ty Cổ phần Camimex Farm - Chi phí lãi vay phải trả	6.696.986.301	5.506.849.315
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	8.086.008.646	2.643.861.812
Chi phí lãi vay phải trả	8.086.008.646	2.643.861.812
Cộng	63.838.949.289	42.158.628.935

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	487.101.685	487.101.685
Ông Bùi Sĩ Tuấn - Cổ tức phải trả	200.368.069	200.368.069
Ông Bùi Đức Dũng - Cổ tức phải trả	3.251.409	3.251.409
Ông Bùi Đức Cường - Cổ tức phải trả	32.514.088	32.514.088
Ông Huỳnh Văn Tấn - Cổ tức phải trả	30.481.958	30.481.958
Bà Vũ Thị Bích Ngọc - Cổ tức phải trả	220.486.161	220.486.161
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	21.655.202.255	30.807.905.542
Kinh phí công đoàn	8.381.573.086	7.872.347.456
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	8.426.265.135	8.993.943.047
Nhận ký quỹ ngắn hạn	949.999.999	949.999.999
Cổ tức phải trả	2.497.081.977	2.497.081.977
Coop Basel - Tiền mượn	-	8.288.420.527
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.400.282.058	2.206.112.536
Cộng	22.142.303.940	31.295.007.227

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	395.811.822.114	402.303.253.568
Vay Công ty Cổ phần Camimex Group ^(x)	195.811.822.114	202.303.253.568
Vay Công ty Cổ phần Camimex Farm ^(x)	200.000.000.000	200.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.136.948.388.817	913.948.306.452

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.043.294.420.633	835.042.349.449
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	63.712.250.025	80.083.957.283
- Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	8.550.021.900	9.895.897.467
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾	174.338.964.282	175.276.310.809
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ^(iv)	180.368.632.965	180.671.121.000
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng ^(v)	224.623.543.309	189.509.222.376
- Vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(vi)	35.345.221.300	20.053.050.000
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Chợ Lớn - Phòng giao dịch Lý Thái Tổ (năm trước là Phòng giao dịch Chương Dương) ^(vii)	40.000.000.000	40.000.000.000
- Vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre ^(viii)	79.299.000.000	79.301.129.318
- Vay Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau ^(ix)	237.056.786.852	10.051.661.196
- Vay Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	-	50.200.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	8.200.099.994	50.000.000
- Vay ngắn hạn các cá nhân khác ^(xi)	8.200.099.994	50.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	51.551.916.606	50.078.726.307
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	33.901.951.584	28.777.230.696
Cộng	1.532.760.210.931	1.316.251.560.020

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.9 và VII.1b).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp thành phẩm và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.7 và VII.1b).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn, thế chấp thành phẩm, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý, quyền sử dụng đất của Công ty và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.2a, V.7, V.9, V.11, VII.1a và VII.1b).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

thế chấp quyền đòi nợ, thành phẩm và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.3, V.7, VII.1a và VII.1b).

- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng để sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ, thành phẩm, chi phí thuê đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.3, V.7, V.8b, V.9 và VII.1a).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp thành phẩm (xem thuyết minh số V.2a và V.7).
- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Chợ Lớn – Phòng giao dịch Lý Thái Tổ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1a).
- (viii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi, thế chấp quyền đòi nợ, thành phẩm, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và bảo lãnh của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.2a, V.3, V.7, V.9 và VII.1a).
- (ix) Khoản vay Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp thành phẩm (xem thuyết minh số V.2a và V.7).
- (x) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty Cổ phần Camimex Group và Công ty Cổ phần Camimex Farm để bổ sung vốn lưu động với lãi suất lần lượt là 15%/năm và 1,2%/năm, thời hạn vay không quá 12 tháng.
- (xi) Khoản vay ngắn hạn các cá nhân khác không tính lãi.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	102.767.955.356	113.713.636.904
- Vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre ⁽ⁱ⁾	102.767.955.356	113.713.636.904
Vay dài hạn các tổ chức khác	548.939.446.490	406.260.901.789
- Vay ResponsAbility Sicav (Lux) ⁽ⁱⁱ⁾	71.704.028.596	65.048.588.693
- Vay ResponsAbility Climate Smart Agriculture & Food Systems Fund, Sicav-Raif ⁽ⁱⁱⁱ⁾	82.735.417.894	85.702.313.096
- Vay Nederlandse Financierings-Maatschappij Voor Ontwikkelingslanden N.V ^(iv)	394.500.000.000	255.510.000.000
Nợ thuê tài chính	68.364.280.195	84.372.850.832
- Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất	34.178.449.481	40.665.200.927

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>kinh doanh với lãi suất 6,6%/năm, thời hạn 05 năm</i>		
- Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất không quá 12%/năm, thời hạn 05 năm	4.561.591.816	8.148.183.634
- Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn không quá 05 năm	23.587.378.181	32.631.062.606
- Thuê tài chính Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn 05 năm	6.036.860.717	2.928.403.665
Cộng	720.071.682.041	604.347.389.525

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre để tài trợ chi phí dự án nhà máy Hùng Vương Bến Tre để sản xuất chế biến cá fillet với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 01 năm 2025. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp chi phí thuê đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.8b, V.9 và V.12).
- (ii) Khoản vay ResponsAbility Sicav (Lux) để sử dụng làm tổng vốn lưu động, làm vốn đầu tư xây dựng và đảm bảo đạt được chứng nhận tiêu chuẩn trang trại nuôi tôm của Hội đồng quản lý nuôi trồng thủy sản với lãi suất theo thông báo bên cho vay (lãi suất áp dụng cho mỗi kỳ tính lãi), thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 31 tháng 7 năm 2025. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.
- (iii) Khoản vay ResponsAbility Climate Smart Agriculture & Food Systems Fund, Sicav-Raif để sử dụng làm tổng vốn lưu động, làm vốn đầu tư xây dựng và đảm bảo đạt được chứng nhận tiêu chuẩn trang trại nuôi tôm của Hội đồng quản lý nuôi trồng thủy sản với lãi suất theo thông báo bên cho vay (lãi suất áp dụng cho mỗi kỳ tính lãi), thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 01 tháng 8 năm 2025. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.
- (iv) Khoản vay Nederlandse Financierings-Maatschappij Voor Ontwikkelingslanden N.V để thực hiện dự án (tất cả hoạt động sản xuất và kinh doanh liên quan đến dự án được nêu trong kế hoạch kinh doanh và sử dụng vốn vay nước ngoài được lập theo quy định tại Điều 7 và 17.2(b), Thông tư số 08/2023/TT-NHNN ngày 30/6/2023 của Chính phủ) với lãi suất theo thông báo bên cho vay về việc xác định lãi suất theo hợp đồng này cho kỳ tính lãi, thời hạn vay đến ngày 10 tháng 7 năm 2031. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 10 tháng 01 năm 2027. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh VII.1b).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	124.659.318.452	21.891.363.096	87.565.452.388	15.202.502.968
Vay dài hạn các tổ chức khác	578.600.000.000	29.660.553.510	430.589.446.490	118.350.000.000
Nợ thuê tài chính	102.266.231.779	33.901.951.584	68.364.280.195	-
Cộng	805.525.550.231	85.453.868.190	586.519.179.073	133.552.502.968

Số đầu năm

Vay dài hạn ngân hàng	135.686.265.000	21.972.628.096	87.565.452.388	26.148.184.516
Vay dài hạn các tổ chức khác	434.367.000.000	28.106.098.211	304.056.901.789	102.204.000.000
Nợ thuê tài chính	113.150.081.528	28.777.230.696	84.372.850.832	-
Cộng	683.203.346.528	78.855.957.003	475.995.205.009	128.352.184.516

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Tiền gốc phải trả	33.901.951.584	68.364.280.195	102.266.231.779
Lãi thuê phải trả	6.708.039.689	20.077.084.145	26.785.123.834
Nợ thuê tài chính phải trả	40.609.991.273	88.441.364.340	129.051.355.613

Số đầu năm

Tiền gốc phải trả	28.777.230.696	84.372.850.832	113.150.081.528
Lãi thuê phải trả	8.179.822.499	18.605.301.335	26.785.123.834
Nợ thuê tài chính phải trả	36.957.053.195	102.978.152.167	139.935.205.362

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	113.713.636.904	-	-	-	(10.945.681.548)	102.767.955.356
Vay dài hạn các tổ chức khác	406.260.901.789	125.970.000.000	-	18.263.000.000	(1.554.455.299)	548.939.446.490
Nợ thuê tài chính	84.372.850.832	5.000.000.000	(416.666.670)	-	(20.591.903.967)	68.364.280.195
Cộng	604.347.389.525	130.970.000.000	(416.666.670)	18.263.000.000	(33.092.040.814)	720.071.682.041

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	880.000.000	880.000.000
Số cuối kỳ	880.000.000	880.000.000

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 05 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Camimex Group	724.725.000.000	724.725.000.000
Các cổ đông khác	254.274.980.000	254.274.980.000
Cộng	978.999.980.000	978.999.980.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	97.899.998	97.899.998
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	97.899.998	97.899.998
- Cổ phiếu phổ thông	97.899.998	97.899.998
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	97.899.998	97.899.998
- Cổ phiếu phổ thông	97.899.998	97.899.998
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 240.747,05 USD (số đầu năm là 9.334,76 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	1.305.047.221.639	1.077.979.158.988
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.164.001.080	18.055.811.621
Cộng	1.329.211.222.719	1.096.034.970.609

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Camimex Group		
Doanh thu bán thành phẩm	7.667.982.258	4.365.790.600
Công ty Cổ phần Camimex Foods		
Doanh thu bán thành phẩm	3.594.212.484	414.476.189.304
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.374.081.119	22.200.050
Công ty TNHH Thực phẩm - Thủy sản Thái Minh Hưng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.420.000	-
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.871.465.250	-

2. Khoản giảm trừ doanh thu

Là hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.042.439.998.843	920.474.489.885
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.177.792.781	15.421.771.184
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	2.680.841.504	(9.716.046.063)
Cộng	1.064.298.633.128	926.180.215.006

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền không kỳ hạn	5.143.797	9.167.456
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.604.086.886	206.647.665
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	15.705.483.201	4.550.773.055
Cộng	20.314.713.884	4.766.588.176

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	67.485.327.593	46.817.990.229
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.407.964.497	15.245.194.391
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	31.464.591.222	8.523.721.418
Cộng	109.357.883.312	70.586.906.038

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.703.936.632	2.504.789.945
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	140.450.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.016.285.051	22.696.176.134
<i>Chi phí vận chuyển, hoa hồng xuất khẩu</i>	<i>42.810.902.229</i>	<i>12.372.839.203</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài khác</i>	<i>12.205.382.822</i>	<i>10.323.336.931</i>
Các chi phí khác	21.972.939.863	14.331.308.288
Cộng	79.833.611.546	39.532.274.367

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.269.115.009	9.253.854.441
Chi phí đồ dùng văn phòng	261.900.095	764.138.140
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.386.509.368	4.235.875.461
Thuế, phí và lệ phí	19.320.000	11.140.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	420.710.075	292.791.771
Các chi phí khác	18.231.918.716	10.333.049.473
Cộng	33.589.473.263	24.890.849.286

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.061.500.001	-
Thu hỗ trợ tiền hàng, tiền bồi thường	192.360.586	1.377.492.288
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	802.327.931	-
Thu nhập khác	332.476.258	276.444.852
Cộng	4.388.664.776	1.653.937.140

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	171.750.853
Thuế bị phạt, bị truy thu	156.422.905	-
Chi phí phạt chậm nộp lãi vay	84.328.527	98.207.123
Chi trợ cấp mất việc làm cho nhân viên nghỉ việc	129.000.270	353.621.626
Chi phí xử lý công nợ	239.488.975	420.994.366
Chi hỗ trợ tiền hàng, tiền bồi thường	-	1.854.679.640
Chi phí khác	92.950.814	425.744.732
Cộng	702.191.491	3.324.998.340

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.198.635.566.397	468.144.871.865
Chi phí nhân công	112.364.944.528	71.690.387.108
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.098.011.602	35.242.395.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.550.950.115	40.864.479.586
Chi phí khác	52.401.187.929	29.758.215.621
Cộng	1.506.050.660.571	645.700.349.585

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Nhận góp vốn	-	34.000.000.000
Vay tiền không lãi suất	-	470.000.000
Trả tiền vay	-	190.000.000
Cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Vay tiền không lãi suất	250.000.000	6.000.000.000
Trả tiền vay	(250.000.000)	(15.550.000.000)

Cam kết bảo lãnh

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan đã dùng cổ phiếu thuộc sở hữu của mình, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

các ngân hàng với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.20a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4 và V.19.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Họ và tên	Chức danh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	36.000.000	36.000.000
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	24.000.000	24.000.000
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	246.604.025	259.134.700
Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên Hội đồng quản trị	24.000.000	24.000.000
Ông Bùi Đức Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị	24.000.000	24.000.000
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	193.131.029	235.130.980
Ông Huỳnh Công Nhân	Phó Tổng Giám đốc	88.954.630	-
Bà Lữ Hồng Lam	Trưởng ban Ban kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Bà Trương Hà My	Thành viên Ban kiểm soát	4.266.667	-
Bà Trần Thị My	Thành viên Ban kiểm soát	7.666.667	12.000.000
Cộng		678.623.018	644.265.680

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Camimex Group	Công ty mẹ
Công ty TNHH Camimex Organic	Công ty con
Công ty Cổ phần Camimex Farm	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Camimex Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Camimex Foods	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	Công ty có chủ sở hữu có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	Công ty có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty
Công ty TNHH Thực phẩm - Thủy sản Thái Minh Hưng	Công ty có người đại diện theo pháp luật có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Công ty có thành viên quản lý chủ chốt là Tổng Giám đốc của Công ty
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish	Công ty có người đại diện theo pháp luật là thành viên Hội đồng quản trị Công ty
Công ty TNHH TS Hưng Thuận	Công ty có thành viên góp vốn lớn có mối quan hệ mật thiết với thành viên Hội đồng quản trị Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Camimex Group</i>		
Mua hàng hóa	20.721.806.191	21.651.210.000
Chi phí cung cấp dịch vụ	9.734.259.259	4.747.390.572
Chuyển người mua trả tiền trước sang vay	-	95.007.801.600
Vay tiền	13.334.477.113	118.067.209.400
Trả tiền vay	(19.825.908.567)	(118.067.209.400)
Chi phí lãi vay phải trả	15.048.036.534	17.145.325.046
<i>Công ty Cổ phần Camimex Foods</i>		
Mua hàng hóa	6.783.437.224	21.229.568.353
Chi phí cung cấp dịch vụ	5.211.526.209	498.386.264
Mua tài sản cố định	-	263.568.450
Vay tiền không lãi suất	-	2.140.000.000
Trả tiền vay	-	(2.140.000.000)
<i>Công ty TNHH Camimex Farm</i>		
Mua hàng hóa	691.206.135	9.434.246.564
Vay tiền không lãi suất	-	200.000.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	1.190.136.986	-
Bù trừ công nợ (*)	22.309.378.568	-
(*) Bù trừ công nợ tạm ứng Hợp đồng 2108/HĐKT.2024 theo biên bản thỏa thuận ba bên ngày 31/5/2025 về việc Chuyển giao hợp đồng Giao thầu “Dự án đầu tư, nghiên cứu, sản xuất thủy sản công nghệ cao” giữa Công ty, Công ty Cổ phần Camimex Farm và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Hồng Phát CM.		
<i>Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải</i>		
Chi phí cung cấp dịch vụ	-	116.300.000
Vay tiền không lãi suất	-	22.500.000.000
Trả tiền vay	-	(22.500.000.000)
<i>Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát</i>		
Chi phí cung cấp dịch vụ	-	848.122.600
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn</i>		
Mua hàng hóa	-	6.985.602.000
<i>Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish</i>		
Mua hàng hóa	16.852.551.433	18.557.175.112

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cung cấp dịch vụ	5.556.387.600	-
Bán công cụ, dụng cụ	88.920.000	-
Bán tài sản cố định hữu hình	9.250.000.000	-

Công ty TNHH Thực phẩm - Thủy sản Thái Minh Hưng

Thu điện, nước nhà ăn	13.703.700	4.549.608
-----------------------	------------	-----------

Công ty TNHH TS Hưng Thuận

Mua hàng hóa	67.889.471.800	-
Vay tiền không lãi suất	112.625.000.000	-
Trả tiền vay	(112.625.000.000)	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty Cổ phần Camimex Foods dùng tài sản cố định thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

Công ty Cổ phần Camimex Logistics dùng tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.20a).

Công ty Cổ phần Camimex Group dùng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình, một phần cổ phần của Công ty và toàn bộ phần vốn góp của Công ty TNHH Camimex Organic do Công ty Cổ phần Camimex Group sở hữu để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng và Nederlandse Financierings-Maatschappij Voor Ontwikkelingslanden N.V (xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.14, V.18 và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động chế biến các sản phẩm từ thủy sản đông lạnh. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

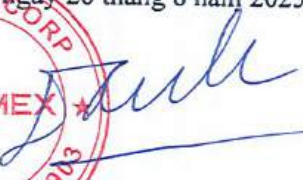
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Nước ngoài	1.276.405.469.764	539.093.499.502
Trong nước	49.572.134.267	556.653.959.382
Cộng	1.325.977.604.031	1.095.747.458.884

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.


Trần Quốc Phong
Người lập


Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	257.939.066.621	325.884.631.355	42.565.449.254	1.945.913.996	628.335.061.226
Mua trong kỳ	2.988.040.210	7.089.913.519	1.008.266.182	150.850.000	11.237.069.911
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	101.050.949.224	72.446.541.970	178.200.000	-	173.675.691.194
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.507.000.000)	-	-	(6.507.000.000)
Số cuối kỳ	361.978.056.055	398.914.086.844	43.751.915.436	2.096.763.996	806.740.822.331
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	35.206.763.394	94.285.140.732	7.569.008.337	1.487.313.996	138.548.226.459
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	106.975.586.853	195.308.179.569	22.969.243.290	1.640.020.640	326.893.030.352
Khấu hao trong kỳ	10.570.274.107	16.161.909.019	1.968.898.724	68.938.330	28.770.020.180
Thanh lý, nhượng bán	-	(318.500.001)	-	-	(318.500.001)
Số cuối kỳ	117.545.860.960	211.151.588.587	24.938.142.014	1.708.958.970	355.344.550.531
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	150.963.479.768	130.576.451.786	19.596.205.964	305.893.356	301.442.030.874
Số cuối kỳ	244.432.195.095	187.762.498.257	18.813.773.422	387.805.026	451.396.271.800
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CAMIMEX CP
 Cà Mau, ngày 26 tháng 8 năm 2025



[Signature]

Trần Quốc Phong
 Người lập

[Signature]

Nguyễn Thị Lam
 Kế toán trưởng

Đặng Ngọc Sơn
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

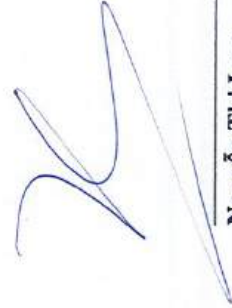
Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Kết chuyển tài sản cố định thuế tài chính	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	257.465.060.152	18.178.926.578	(163.002.393.246)	(39.320.302.824)	(38.124.946.957)	35.196.343.703
- Nhà máy chế biến thủy sản Hùng Vương Bến Tre (*)	187.275.474.468	18.178.926.578	(163.002.393.246)	(36.772.424.097)	-	5.679.583.703
- Các tài sản khác	70.189.585.684	-	-	(2.547.878.727)	(38.124.946.957)	29.516.760.000
Xây dựng cơ bản dở dang	85.989.265.847	41.737.727.778	(10.873.046.680)	-	-	116.853.946.945
- Công trình xây dựng Nhà máy Chế biến Thủy sản - Xi nghiệp 1	66.614.721.667	40.842.727.778	-	-	-	107.457.449.445
- Công trình sửa chữa Nhà máy Chế biến Thủy sản Hùng Vương Bến Tre	10.873.046.680	-	(10.873.046.680)	-	-	-
- Các công trình khác	8.501.497.500	895.000.000	-	-	-	9.396.497.500
Cộng	343.454.325.999	59.916.654.356	(173.875.439.926)	(39.320.302.824)	(38.124.946.957)	152.050.290.648

(*) Công ty đã thể chấp chi phí mua sắm tài sản cố định với giá trị theo sổ sách cuối kỳ là 5.679.583.703 VND (số đầu năm là 187.275.474.468 VND) để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.20b).



Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 03: Tình hình biến động thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Số đầu năm				Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ		Đơn vị tính: VND
Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Giảm do bù trừ thuế GTGT được hoàn	Phải nộp	Phải thu			
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.784.339.431	-	-	-	-	-	2.784.339.431	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.101.886.874	-	9.991.627.011	-	(16.503.958.179)	-	9.589.555.706	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	23.809.734	-	329.234.221	-	(171.074.027)	-	181.969.928	-	-
Thuế tài nguyên	18.606.000	-	124.199.600	(119.845.200)	-	-	22.960.400	-	-
Các loại thuế khác	10.000.000	-	1.100.338.342	(539.619.810)	-	-	570.718.532	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	30.037.870	-	430.934	(30.468.804)	-	-	-	-	-
Cộng	16.184.340.478	2.784.339.431	11.545.830.108	(689.933.814)	(16.675.032.206)	10.365.204.566	2.784.339.431		

(Signature)

Trần Quốc Phong
Người lập

(Signature)

Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 04: Bảng tăng, giảm vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	835.042.349.449	2.106.728.522.841	-	14.810.243.084	(1.913.286.694.741)	1.043.294.420.633
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	402.303.253.568	215.209.477.113	-	-	(221.700.908.567)	395.811.822.114
Vay ngắn hạn các cá nhân	50.000.000	206.530.099.994	-	-	(198.380.000.000)	8.200.099.994
Vay dài hạn đến hạn trả	50.078.726.307	-	12.500.136.847	-	(11.026.946.548)	51.551.916.606
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	28.777.230.696	-	20.591.903.967	-	(15.467.183.079)	33.901.951.584
Cộng	1.316.251.560.020	2.528.468.099.948	33.092.040.814	14.810.243.084	(2.359.861.732.935)	1.532.760.210.931



Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


Phụ lục 05: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	944.999.980.000	-	50.652.079.619	995.652.059.619
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong kỳ trước	34.000.000.000	(128.222.222)	-	33.871.777.778
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	31.495.424.088	31.495.424.088
Số dư cuối kỳ trước	978.999.980.000	(128.222.222)	82.147.503.707	1.061.019.261.485
Số dư đầu năm nay	978.999.980.000	(228.222.222)	104.674.606.047	1.083.446.363.825
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	52.907.562.940	52.907.562.940
Số dư cuối kỳ này	978.999.980.000	(228.222.222)	157.582.168.987	1.136.353.926.765

Đơn vị tính: VND



Trần Quốc Phong
Người lập

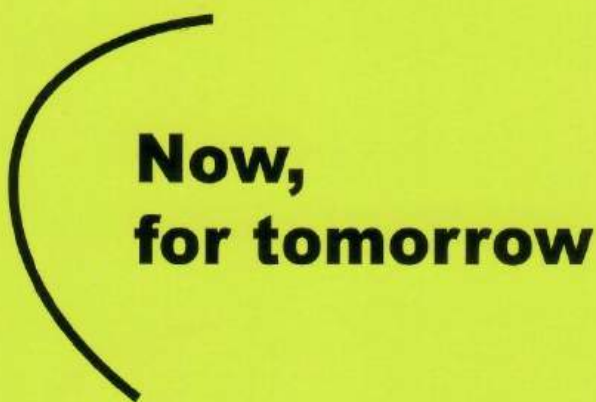


Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc





**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam

Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn